

Tư tưởng của V.I.Lênin về nhận thức và sự quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Nguyễn Hùng Hậu¹, Nguyễn Cương²

Tóm tắt: V.I.Lênin là nhà tư tưởng vĩ đại. Di sản của Người vô cùng phong phú; đặc biệt trong tư tưởng về nhận thức và quá độ gián tiếp lên chủ nghĩa xã hội có nhiều điểm độc đáo, và có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với Việt Nam. Theo tư tưởng của V.I.Lênin, nét đặc trưng của quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là quá độ gián tiếp, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, nhưng kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa. Đây là sự định hướng cơ bản có tính chiến lược cho cách mạng Việt Nam hiện nay và trong thời gian tới.

Từ khóa: Nét độc đáo; tư tưởng; nhận thức; chủ nghĩa xã hội; V.I.Lênin.

Abstract: V.I. Lenin is a great thinker. His heritage is extremely diverse, especially that in regard of the thoughts on cognition of and the transitional period towards socialism, including views which are matchless and bear extremely important significance to Vietnam. In line with V.I. Lenin's thought, the characteristic of the period in Vietnam is that it is an indirect one, with the bypass of the stage of capitalist development, while inheriting achievements that mankind has made under the capitalist regime. This is a fundamental and highly strategic orientation for the Vietnamese revolution in the time to come.

Keywords: Matchlessness; ideology; cognition; socialism; V.I. Lenin.

1. Mở đầu

V.I.Lênin đã phát triển chủ nghĩa C.Mác trong điều kiện chủ nghĩa tư bản chuyển sang giai đoạn đế quốc, trong thời kỳ bước đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện thực ở nước Nga Xô viết; Người đã đưa chủ nghĩa Mác phát triển lên một giai đoạn mới, giai đoạn Lênin. Di sản của Lênin hết sức đa dạng, vô cùng phong phú; trong khuôn khổ phạm vi bài này tác giả chỉ đề cập đến nét độc đáo trong tư tưởng của người về nhận thức và quá độ gián tiếp lên chủ nghĩa xã hội.

2. Nét độc đáo trong tư tưởng của V.I.Lênin về nhận thức

Phát triển những tư tưởng của C.Mác và Ph.Ăngghen, V.I.Lênin đã đưa ra ba nguyên tắc cơ bản của lý luận nhận thức: *thứ nhất*, thừa nhận sự tồn tại của những sự vật, hiện

tượng khách quan độc lập với ý thức của con người; *thứ hai*, không có sự khác nhau về nguyên tắc giữa hiện tượng và vật tự nó (cái không nhận thức được), chỉ có sự khác nhau giữa cái được nhận thức và cái chưa được nhận thức; *thứ ba*, nhận thức là một quá trình biện chứng. Người còn cho rằng thực tiễn cao hơn nhận thức (lý luận), thực tiễn của con người lặp đi lặp lại hàng nghìn triệu lần được in vào ý thức của con người bằng những hình tượng logic và con người chứng minh bằng thực tiễn của mình sự đúng đắn khách quan của những ý niệm, khái niệm, tri thức, khoa học của mình.

¹ Giáo sư, tiến sĩ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. ĐT: 0912 859895. Email: hungghaun@gmail.com

² Thạc sĩ, Viện Phát triển kinh tế hợp tác. ĐT: 0978754 318 Email: cuonghcm25@gmail.com

Những điểm độc đáo trong tư tưởng về nhận thức của Người là ở chỗ, Người cho rằng những phạm trù là điểm nút của mạng lưới những hiện tượng tự nhiên, chúng giúp ta nhận thức và nắm vững được mạng lưới. Qua đó ta thấy, nắm được hệ thống phạm trù, tức là nắm được những điểm nút trong cái lưới bủa vây bắt giới tự nhiên. Như chúng ta biết, nét đặc trưng trong nhận thức của khoa học là phản ánh thế giới bằng những khái niệm, phạm trù. Điều này khác với phản ánh của âm nhạc - bằng âm thanh, hội họa - bằng màu sắc, đường nét, kịch câm - bằng dáng điệu, cử chỉ. Người ta còn ví, nếu khoa học là một lâu đài, thì những khái niệm, phạm trù như những người lính canh giữ lâu đài đó. Muốn vào được lâu đài, đầu tiên anh phải qua được những người lính này. Như vậy, nắm được những khái niệm, phạm trù của một khoa học là khâu đầu tiên, quan trọng nhất để đi vào khoa học.

Theo Người, nhận thức là sự phản ánh giới tự nhiên bởi con người. Nhưng đó không phải là một phản ánh đơn giản, trực tiếp, hoàn chỉnh, mà là một quá trình, cả một chuỗi những sự trừu tượng, sự cấu thành, sự hình thành ra các khái niệm, quy luật, và chính các khái niệm, quy luật này bao quát một cách có điều kiện, gần đúng tính quy luật phổ biến của giới tự nhiên vĩnh viễn vận động và phát triển. Như vậy, nhận thức là phản ánh, nhưng phản ánh là một quá trình không hề giản đơn mà là cả một chuỗi những trừu tượng hình thành nên những khái niệm, quy luật gần đúng với quy luật trong giới tự nhiên. Qua đó ta thấy, giới tự nhiên trong đầu không trùng khít, không đồng nhất với giới tự nhiên bên ngoài, cái thứ nhất chỉ là phản ánh gần đúng cái thứ hai đang vĩnh viễn vận động. Cái

phản ánh không đồng nhất với cái bị phản ánh. Bởi vậy, người nào chấp vào câu chữ, e rằng người đó chỉ đuổi theo cái bóng của đối tượng, chứ không phải bản thân đối tượng, không bao giờ nắm bắt được bản chất của sự vật, hiện tượng đang vận động của thế giới bên ngoài.

Trong *Bút ký triết học*, Lênin cho rằng con người không thể nắm bắt được bằng phản ánh, bằng miêu tả toàn bộ giới tự nhiên một cách đầy đủ, trong tính chỉnh thể trực tiếp của nó, mà con người chỉ có thể đi gần mãi đến đó, bằng cách tạo ra những trừu tượng, những khái niệm, những quy luật, một bức tranh khoa học về thế giới. Như vậy, Lênin đã đi sâu hơn, phân tích cơ chế của sự phản ánh. Lênin luôn nhắc nhở, nhận thức là sự tiến gần mãi mãi và vô tận của tư duy đến khách thể của giới tự nhiên phải được hiểu không phải một cách “chết cứng”, “trừu tượng”, không phải không vận động, không mâu thuẫn, mà là trong quá trình vĩnh viễn của sự vận động, của sự nảy sinh mâu thuẫn và sự giải quyết những mâu thuẫn đó. Mâu thuẫn ở chỗ, sự vật, hiện tượng luôn luôn vận động; trong khi đó, nhận thức của chúng ta lại đem cố định sự vật, hiện tượng đó lại trong thời điểm nhận thức. Qua đó ta thấy, nhận thức của chúng ta giống như một chiếc máy ảnh, chụp lại một hiện tượng, sự vật đang vận động. Nhưng nếu không làm như vậy thì chúng ta lại không nhận thức được chúng khi chúng đang vận động. Từ đây, ta thấy, điểm độc đáo hơn nữa ở chỗ, Lênin cho rằng chúng ta không thể biểu hiện, thể hiện, đo lường, hình dung sự vận động mà không cắt đứt tính liên tục, không đơn giản hóa, không làm thô lỗ, không tách rời, không làm chết cứng cái đang sống. Việc tư duy (không những tư duy mà cả cảm giác) hình dung sự

vận động (không những sự vận động mà tất cả các khái niệm) bao giờ cũng làm thô lỗ, làm chết cứng. Lênin khẳng định, đây chính là bản chất của phép biện chứng. Đây là điểm vô cùng độc đáo trong tư tưởng của V.I.Lênin về nhận thức. Để nhận thức một sự vật hiện tượng nào đó, chúng ta phải cố định sự vật hiện tượng đó lại, bởi vì nếu để nó vận động, vừa là nó vừa không phải là nó thì chúng ta không thể nhận thức được. Cố định lại, theo nghĩa nào đó, chúng ta đã làm đơn giản hóa, làm chết cứng cái đang sống, làm thô lỗ, theo từ của V.I.Lênin. Nhưng nếu không làm như vậy, thì khoa học lại không thể tiến lên phía trước. Đây cũng là điểm đặc thù đồng thời cũng là hạn chế của khoa học làm cho nó khác với các lĩnh vực khác như nghệ thuật, âm nhạc. Nhưng khi đã nhận thức được, cứ cho là nhận thức đúng ở thời điểm đó, thì sự vật, hiện tượng lại vận động sang thời điểm khác. Như vậy, nhận thức là một quá trình đuổi theo nắm bắt sự vật, hiện tượng và quá trình này là vô hạn. Thực chất của mâu thuẫn này thể hiện ở việc cái động đi nắm bắt, phản ánh cái động. Để khắc phục mâu thuẫn này, nhiều nhà triết học phương Đông và triết học Phật giáo chủ trương lấy tĩnh chế động, “dĩ bất biến ứng vạn biến”. Cụ thể các nhà Thiền học đưa ra chủ trương “dĩ tâm truyền tâm”. Nhưng đây lại là một lĩnh vực bí ẩn, khó hiểu đối với đại đa số nhiều người.

Để giải quyết mâu thuẫn này, V.I.Lênin cho rằng, tư duy khi tiến lên từ cái cụ thể đến cái trừu tượng, nếu nó đúng, thì không xa rời chân lý, mà đến gần chân lý. Những sự trừu tượng về vật chất, về quy luật tự nhiên, sự trừu tượng về giá trị... tóm lại, tất cả những sự trừu tượng khoa học (đúng

đắn, nghiêm túc, không tùy tiện) phản ánh giới tự nhiên sâu sắc hơn, chính xác hơn, đầy đủ hơn. Từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng, và từ tư duy trừu tượng đến thực tiễn - đó là con đường biện chứng của sự nhận thức chân lý, của sự nhận thức thực tại khách quan.

Trong *Bút ký triết học*, Lênin cũng cảnh báo rằng tính linh hoạt của các khái niệm; tính linh hoạt đó áp dụng một cách chủ quan, đó là chủ nghĩa chiết trung và nguy hiểm; tính linh hoạt áp dụng một cách khách quan, nghĩa là phản ánh tính toàn diện của quá trình đó, thì đó là phép biện chứng, là sự phản ánh chính xác sự phát triển vĩnh viễn của thế giới.

3. Nét độc đáo trong tư tưởng của V.I.Lênin về quá độ gián tiếp lên chủ nghĩa xã hội

Kế thừa những luận điểm của C.Mác, Ph.Ăngghen, Lênin cho rằng thời kỳ quá độ có những đặc điểm sau:

Thứ nhất, thời kỳ quá độ là thời kỳ do nhiều thành phần không thuần nhất cấu tạo nên, thời kỳ đan xen, thâm nhập vào nhau giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội. Chẳng hạn, về kinh tế, đến năm 1921, khi đưa ra Chính sách kinh tế mới, Lênin đã nhận ra 5 thành phần kinh tế trong thời kỳ quá độ, đó là: kinh tế tư gia trường, kinh tế hàng hóa nhỏ, kinh tế tư bản, kinh tế nhà nước tư bản chủ nghĩa, kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Thứ hai, đó là thời kỳ sự phát triển của cái cũ, của những trật tự cũ đôi khi lấn át những mầm mống của cái mới, trật tự mới.

Thứ ba, đó là thời kỳ phát triển tính tự phát tiêu tư sản - kẻ thù giấu mặt hết sức

nguy hiểm và còn nguy hiểm hơn cả bọn phản cách mạng công khai.

Thứ tư, đó là thời kỳ lâu dài, hết sức khó khăn, phức tạp, phải trải qua nhiều lần thử nghiệm để rút kinh nghiệm, để có hướng đi đúng đắn; trong quá trình thử nghiệm ấy, theo C.Mác, có thể phải trả giá cho những sai lầm nghiêm trọng.

Vậy quá độ từ chủ nghĩa tư bản sang chủ nghĩa cộng sản có đặc điểm gì? Đặc điểm nổi bật nhất được Lênin chỉ ra trên khía cạnh góc độ dân chủ. Nếu như chế độ dân chủ trong xã hội tư bản, vẫn như trước kia, vẫn chỉ là dân chủ cho một thiểu số ít người, dân chủ cho giai cấp có của, một thứ dân chủ bó hẹp, chà đạp lên người nghèo, thì với chuyên chính vô sản, lần đầu tiên, chế độ dân chủ trở thành chế độ dân chủ cho người nghèo, cho nhân dân.

Chính cái xã hội vừa thoát thai từ chủ nghĩa tư bản, theo C.Mác, không phải là một xã hội cộng sản đã phát triển trên những cơ sở của riêng nó, mà về mọi phương diện, xã hội ấy còn mang những dấu vết của xã hội cũ, xã hội đã đẻ ra nó, đó là xã hội ở giai đoạn đầu hay giai đoạn thấp của chủ nghĩa cộng sản, xã hội xã hội chủ nghĩa. Cho nên trong giai đoạn này chưa thể thực hiện được công bằng và bình đẳng, đặc biệt về quyền lợi, theo C.Mác, không nên bình đẳng, mà nên bất bình đẳng, bởi lẽ, quyền lợi không bao giờ có thể cao hơn trạng thái kinh tế của xã hội và cao hơn trình độ văn minh của xã hội tương ứng với trạng thái kinh tế ấy.

C.Mác, Ph.Ăngghen cũng đã chỉ ra rằng nếu như giai cấp vô sản có lật đổ nền thống trị chính trị của giai cấp tư sản thì thắng lợi của nó cũng sẽ chỉ là nhất thời, khi nào mà trong tiến trình lịch sử, trong sự vận động

của lịch sử, còn chưa tạo ra được những điều kiện vật chất làm cho việc thủ tiêu phương thức sản xuất tư bản, và do đó, cả việc lật đổ hoàn toàn nền thống trị chính trị của giai cấp tư sản, trở thành tất yếu. Trong tác phẩm *Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội từ không tưởng đến khoa học* (1880), Ph.Ăngghen nhấn mạnh rằng mục đích của cách mạng vô sản là giải quyết mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, là giải thoát những tư liệu sản xuất khỏi tính chất tư bản chủ nghĩa và để cho tính chất xã hội của chúng được hoàn toàn tự do phát triển.

Theo Lênin, tính đặc thù rõ nhất ở chỗ, xã hội càng ít (kém) phát triển, thì thời kỳ quá độ càng dài, khi quá độ lên chủ nghĩa xã hội càng gặp nhiều khó khăn, phức tạp, càng phải trải qua nhiều bước quá độ nhỏ trung gian, nhiều bước thử thách. C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin còn đưa ra quan điểm về khả năng quá độ rút ngắn, không qua chế độ tư bản chủ nghĩa.

Theo lý luận hình thái kinh tế - xã hội, những nước tư bản phát triển cao, khi mà quan hệ sản xuất trở thành xiềng xích trói buộc, kìm hãm, mâu thuẫn đến cao độ với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất thì sớm hay muộn cũng sẽ xảy ra cách mạng xã hội xã hội chủ nghĩa; phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa lỗi thời nhất định phải nhường chỗ cho phương thức sản xuất cao hơn, tiến bộ hơn, xã hội tư bản nhất định sẽ phải chuyển biến thành xã hội xã hội chủ nghĩa. Đó là quy luật tất yếu trong sự phát triển của xã hội loài người. Do vậy, các nước tư bản phát triển này có thể trực tiếp đi lên chủ nghĩa xã hội trải qua một thời kỳ quá độ như C.Mác đã chỉ ra trong *Phê phán cương lĩnh Gôta*. Tuy nhiên, trong lịch sử nhân loại, sự phát triển của các

nước, thậm chí ngay trong các nước tư bản là không đồng đều; bên cạnh những nước có trình độ phát triển cao lại có những nước phát triển rất thấp, thậm chí còn rất lạc hậu. Vậy, xuất hiện tình huống là những nước chưa qua giai đoạn tư bản chủ nghĩa có nhất thiết phải phát triển lên tư bản chủ nghĩa và khi chín muồi mới đi lên chủ nghĩa xã hội hay không? Có thể rút ngắn hay không qua chế độ tư bản chủ nghĩa không? Nếu có thì cần những điều kiện gì? Và quá trình này có phải là quá trình lịch sử tự nhiên hay không?

Khi phân tích, nghiên cứu chủ nghĩa tư bản, C.Mác, Ph.Ăngghen đi đến phán đoán cho rằng cách mạng vô sản có tất cả những triệu chứng sắp nổ ra ở tất cả các nước tư bản tiên tiến lúc bấy giờ. Hai ông chưa dự kiến hết tính phức tạp của cuộc cách mạng thế giới, đơn giản cho rằng do tác động của đại công nghiệp đã tạo nên thị trường thế giới, đã san bằng sự phát triển xã hội ở tất cả các nước văn minh, vì vậy cuộc cách mạng cộng sản chủ nghĩa sẽ là cuộc cách mạng có tính chất toàn cầu và vì vậy nó sẽ có một vũ đài toàn thế giới. Năm 1895, Ph.Ăngghen cho rằng cả ông và C.Mác đã không thấy trạng thái phát triển kinh tế trên lục địa lúc bấy giờ còn rất lâu mới chín muồi để xóa bỏ phương thức tư bản chủ nghĩa. Mặt khác, khi nghiên cứu về xã hội phương Đông, nhất là công xã nông thôn Nga, hai ông đã dự đoán về khả năng phát triển không qua giai đoạn tư bản chủ nghĩa, bởi lẽ công xã nông thôn Nga ít nhiều đã tạo điều kiện thuận lợi cho công cuộc xây dựng xã hội mới. Vì vậy, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước Nga không giống như con đường của các nước tư bản phát triển, mà sẽ là một con đường khác, trong đó lợi dụng hình thức sở hữu công xã

để trong những điều kiện nhất định chuyển lên chủ nghĩa xã hội không qua sự phát triển tư bản chủ nghĩa. Trong thư gửi ban biên tập tờ *Ký sự nước nhà*, C.Mác cho rằng nếu nước Nga cứ tiếp tục đi theo con đường mà nó theo đuổi từ năm 1861, tức con đường phát triển tư bản chủ nghĩa thì nó sẽ bỏ lỡ mất một cơ hội tốt đẹp nhất (tức đi thẳng lên chủ nghĩa xã hội) mà lịch sử đã từng dành cho một dân tộc nào đó và nó sẽ chịu tất cả mọi tai họa khủng khiếp của chế độ tư bản. Trong lời tựa viết cho bản tiếng Nga xuất bản năm 1882 của *Tuyên ngôn Đảng cộng sản*, C.Mác và Ph.Ăngghen viết: “Bây giờ, thử hỏi công xã nông thôn Nga, cái hình thức đã bị phân giải ấy của chế độ công hữu ruộng đất nguyên thủy, có thể chuyển thẳng sang hình thức cao, cộng sản chủ nghĩa về sở hữu ruộng đất không, hay là trước hết, nó cũng phải trải qua quá trình tan rã như nó đã trải qua trong tiến trình phát triển lịch sử của phương Tây? Ngày nay, lời giải đáp duy nhất cho câu hỏi ấy là thế này: nếu cách mạng Nga báo hiệu một cuộc cách mạng vô sản ở phương Tây và nếu cả hai cuộc cách mạng ấy bổ sung cho nhau thì chế độ ruộng đất công cộng ở Nga hiện nay sẽ có thể là khởi điểm của một sự tiến triển cộng sản chủ nghĩa” [1, tr.434].

Như vậy, không dùng từ “bỏ qua”, “rút ngắn”, nhưng ý hướng tư tưởng của hai ông về vấn đề này đã khá rõ. Trong lời tựa viết cho lần xuất bản thứ nhất bộ *Tư bản*, C.Mác viết: “Một xã hội, ngay cả khi đã phát hiện được quy luật tự nhiên của sự vận động của nó, mà mục đích cuối cùng của tác phẩm này là tìm ra qui luật vận động kinh tế của xã hội hiện đại, cũng không thể nào nhảy qua các giai đoạn phát triển tự nhiên hay dùng sắc lệnh để xóa bỏ những giai đoạn đó. Nhưng nó có thể rút ngắn và làm dịu

bớt được những cơn đau đẻ” [2, tr.199]. Do đó, trong hai từ trên, thì C.Mác nghiêng về tư tưởng “rút ngắn”. Điều này được chứng minh thêm trong tác phẩm *Sách báo của giới lưu vong* với quan điểm của Ph.Ăngghen cho rằng nước Nga và những nước vừa bước vào con đường tư bản chủ nghĩa có thể rút ngắn một cách đáng kể quá trình phát triển của mình với điều kiện ở Tây Âu một cuộc cách mạng vô sản thắng lợi đã được thực hiện, một tấm gương về sự xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội; chỉ khi nào nền kinh tế tư bản chủ nghĩa đã bị đánh bại tại quê hương của nó, chỉ khi nào những nước lạc hậu qua tấm gương ấy mà biết được rằng việc đó đã được tiến hành như thế nào, những lực lượng sản xuất công nghiệp hiện đại, với tư cách là sở hữu công cộng, đã được sử dụng như thế nào để phục vụ toàn thể xã hội, thì những nước lạc hậu ấy mới có thể bước vào con đường phát triển rút ngắn. Như thế thắng lợi của những nước ấy sẽ được bảo đảm. Điều đó không chỉ đúng với nước Nga, mà với tất cả các nước đang ở trong giai đoạn phát triển tiền tư bản chủ nghĩa. Như vậy, ngoài con đường lịch sử - tự nhiên tuần tự qua tất cả các hình thái kinh tế - xã hội, C.Mác và Ph.Ăngghen đã dự đoán về con đường phát triển rút ngắn đối với các nước tiền tư bản với những điều kiện nhất định.

Nếu C.Mác và Ph.Ăngghen nêu lên tư tưởng về con đường rút ngắn, thì V.I.Lênin cho rằng với sự giúp đỡ của giai cấp vô sản các nước tiên tiến, các nước lạc hậu có thể tiến tới chế độ Xô viết và qua những giai đoạn phát triển nhất định, tiến tới chủ nghĩa cộng sản, không phải trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa.

Theo V.I.Lênin, hoàn toàn không còn nghi ngờ gì nữa rằng những bước quá độ từ

chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội có thể có những hình thức khác nhau, tùy thuộc ở chỗ quan hệ đại tư bản chiếm ưu thế hay nền kinh tế nhỏ chiếm ưu thế. Từ đó, V.I.Lênin đưa ra hai hình thức quá độ: quá độ trực tiếp đối với những nước tư bản phát triển; quá độ gián tiếp đối với những nước lạc hậu, những nước tiền tư bản, trong đó có nước Nga, bằng cách thông qua các bước, mất xích trung gian.

Quá độ gián tiếp, theo V.I.Lênin, là rất phức tạp, lâu dài. Từ năm 1921, với chính sách kinh tế mới, V.I.Lênin chủ trương không đập tan cái cơ cấu kinh tế và xã hội cũ, mà là chấn hưng bằng cách cố gắng nắm vững một cách thận trọng, từng bước, hoặc bằng cách nhà nước điều tiết trong chừng mực làm cho chúng sẽ được phục hồi trở lại nhằm phát triển đến mức tối đa lực lượng sản xuất. Chính sách kinh tế mới đã đi theo hướng này.

V.I.Lênin cho rằng chúng ta không thể bỏ qua hoàn toàn chủ nghĩa tư bản, mà phải trải qua những bước trung gian, quá độ; trong đó, chủ nghĩa tư bản nhà nước là con đường, cách thức, công cụ, phương tiện để phát triển lực lượng sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.

Nét đặc thù nhất mà những nước tiền tư bản, những nước lạc hậu tiến lên chủ nghĩa xã hội là thiếu những cái mà chủ nghĩa tư bản gần ba thế kỷ phát triển đã tạo ra như khoa học công nghệ, mặt bằng dân trí, ý thức pháp luật, cách tổ chức quản lý sản xuất... Do đó, trong lời tựa viết cho quyển 1 bộ *Tư bản*, bản tiếng Đức xuất bản lần thứ nhất, C.Mác cho rằng: trong tất cả các lĩnh vực khác thì cũng giống như các nước khác ở lục địa Tây Âu, chúng ta (Đức) đau khổ

không những vì sự phát triển của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, mà còn đau khổ vì nó phát triển chưa đầy đủ. V.I.Lênin trong bài *Đệ tam quốc tế và địa vị của nó trong lịch sử* cho rằng so với các nước tiên tiến, những nước tư bản phát triển, thì đối với nước Nga, bắt đầu cuộc đại cách mạng vô sản là một điều có dễ dàng hơn, nhưng tiếp tục cuộc cách mạng đó và đưa nó đến thắng lợi cuối cùng, lại là một điều khó khăn hơn. V.I.Lênin đã đưa ra sáu lý do để chứng minh cho nhận định trên.

Ở Việt Nam, Hồ Chí Minh cho rằng với những lý do lịch sử cho phép chủ nghĩa cộng sản xâm nhập vào Châu Á dễ dàng hơn Châu Âu. Xâm nhập dễ dàng hơn, nhưng xây dựng thành công lại khó khăn hơn. Đó là nét đặc thù nhất đối với những nước trải qua bước quá độ gián tiếp như Việt Nam và Nga. Trong các Văn kiện Đại hội Đảng gần đây đã chỉ ra nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ngày càng sáng tỏ hơn. Dĩ nhiên, đi lên chủ nghĩa xã hội và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội là vấn đề khác nhau, mặc dù chúng liên hệ mật thiết với nhau.

Thực chất bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa ở Việt Nam là bỏ qua “gián tiếp”, là “bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa, nhưng tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, đặc biệt là khoa học và công nghệ, để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại” [3, tr.84]. Như vậy, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa ở Việt Nam chỉ là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản

xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa; còn những cái không thống trị mà có lợi cho ta trong quá trình phát triển, những thành tựu đạt được dưới chủ nghĩa tư bản, đặc biệt là khoa học, công nghệ thì chúng ta phải tiếp thu, kế thừa để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại. Qua đó ta thấy, phép biện chứng giúp chúng ta nhận ra trong bỏ qua có cái không bỏ qua, có cái phải tiếp thu, kế thừa, có cái phải phát triển rút ngắn; chứ không thể bỏ qua toàn bộ, không thể phủ định sạch trơn những tiến bộ của nhân loại đã đạt được dưới chủ nghĩa tư bản.

4. Kết luận

Tư tưởng về nhận thức cũng như tư tưởng về quá độ gián tiếp lên chủ nghĩa xã hội của V.I.Lênin là những tư tưởng hết sức độc đáo trên bình diện lý luận cũng như thực tiễn. Theo Lênin, nhận thức là một quá trình vô hạn đi dần tới chân lý. Mặt khác, cũng theo tư tưởng của Lênin ta thấy rõ được nét đặc trưng của quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là quá độ gián tiếp, cụ thể là bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, nhưng kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa. Đây là sự định hướng có tính chiến lược cho cách mạng Việt Nam hiện nay và trong thời gian tới.

Tài liệu tham khảo

- [1] C.Mác và Ph.Ăngghen (1993), *Toàn tập*, t.19, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [2] C.Mác và Ph.Ăngghen (2005), *Tuyển tập*, t.3, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [3] Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

